

Số: 641/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 13 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 582/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Thanh T1, sinh năm 1996; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TDP 8, khu vực 4, phường S, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: Số 27 kiệt 317 đường N, phường 11, quận G, thành phố Hồ Chí Minh;

- Bị đơn: Anh Mai Văn T2, sinh năm 1997; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TDP 8, khu vực 4, phường S, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên hệ: Số 01 kiệt 153 đường K, phường S, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thị Thanh T1 và anh Mai Văn T2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thị Thanh T1 và anh Mai Văn T2.

- Về con chung: Chị Hồ Thị Thanh T1 và anh Mai Văn T2 xác nhận có 01 con chung tên là Mai Phúc K, sinh ngày 03/02/2018. Hiện nay cháu Mai Phúc K đang ở với anh Mai Văn T2. Chị Hồ Thị Thanh T1, anh Mai Văn T2 thỏa thuận giao cháu Mai Phúc K cho anh Mai Văn T2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng sau ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hồ Thị Thanh T1 và anh Mai Văn T2 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hồ Thị Thanh T1 và anh Mai Văn T2 mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Chị Hồ Thị Thanh T1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn của cả hai người là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004412 ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị Hồ Thị Thanh T1 đã nộp đủ án phí và được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS TP. Huế;
- UBND phường S, thành phố H (chị T1, anh T2 ĐKKH số 49, ngày 28/7/2017)
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án án.

THẨM PHÁN

Trương Thị Đào Vi